

Số: 1184/QĐ-ĐHKTL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập
học kỳ 2 năm học 2019 – 2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 24/03/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 261/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 05/04/2010 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) về việc ban hành quy định thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các trường đại học thành viên trong ĐHQG-HCM;

Căn cứ Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 15/08/2007 về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 1174/QĐ-ĐHKTL-CTSV ngày 23/12/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc ban hành Quy định xét, cấp học bổng sinh viên, học viên Trường Đại học Kinh tế - Luật;

Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-ĐHKTL-CTSV ngày 07/09/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định xét cấp học bổng sinh viên, học viên Trường Đại học Kinh tế - Luật;

Căn cứ Quyết định số 452/QĐ-ĐHKTL-CTSV ngày 18/06/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định xét cấp học bổng sinh viên, học viên Trường Đại học Kinh tế - Luật;

Căn cứ Quyết định số 1390/QĐ-ĐHKTL ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc thành lập Hội đồng xét chế độ chính sách sinh viên năm học 2019-2020;

Theo kết luận của Hội đồng xét học bổng khuyến khích học tập.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách sinh viên hệ đại học chính quy được hưởng học bổng khuyến khích học tập học kỳ 2 năm học 2019 - 2020 như sau:

- Lớp đại trà:	289 SV
- Lớp Chất lượng cao:	361 SV
- Lớp Chất lượng cao bằng tiếng Anh:	67 SV
- Lớp Chất lượng cao tăng cường tiếng Pháp:	02 SV
- Lớp cử nhân tài năng giai đoạn 2018-2022	20 SV
Tổng cộng:	739 SV

(Danh sách và mức học bổng kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, phòng Công tác sinh viên, các Khoa, Bộ môn, các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *Đun*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, CTSV.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Tiến Dũng

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2019 - 2020 (LỚP ĐẠI TRÀ)**

Ban hành kèm Quyết định số: 184/QĐ-ĐHKTL ngày 15 tháng 12 năm 2020

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐTB HK	ĐRL	XL HB	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	K174010039	Đinh Thị Yến	Nhi	K17401	8.67	85	Giỏi	4,900,000	
2	K174010035	Nguyễn Thị Kim	Ngân	K17401	8.47	100	Giỏi	4,900,000	
3	K174010062	Nguyễn Thị Thạch	Tuyền	K17401	8.47	100	Giỏi	4,900,000	
4	K174010005	Lê Thị Ái	Dân	K17401	8.47	93	Giỏi	4,900,000	
5	K174010027	Lê Ái	Loan	K17401	8.4	93	Giỏi	4,900,000	
6	K174020161	Nguyễn Cát	Tường	K17402	8.97	89	Giỏi	4,900,000	
7	K174020095	Trần Trung	Kiên	K17402	8.81	93	Giỏi	4,900,000	
8	K174020150	Hoàng Văn	Tinh	K17402	8.72	97	Giỏi	4,900,000	
9	K174020136	Trương Ngọc	Thanh	K17402	8.66	93	Giỏi	4,900,000	
10	K174020099	Trần Sơn	Lâm	K17402	8.64	93	Giỏi	4,900,000	
11	K174020166	Phan Nguyễn Khánh	Vy	K17402	8.59	88	Giỏi	4,900,000	
12	K174020124	Lê Hà	Phuong	K17402	8.59	85	Giỏi	4,900,000	
13	K174020077	Võ Thị Thùy	Dương	K17402	8.44	89	Giỏi	4,900,000	
14	K174030222	Ngô Minh	Hiệp	K17403	8.41	93	Giỏi	4,900,000	
15	K174030239	Trần Thị Thanh	Ngân	K17403	8.0	93	Giỏi	4,900,000	
16	K174030242	Ngô Thị Yến	Nhi	K17403	7.97	90	Khá	4,450,000	
17	K174030246	Đoàn Thế	Phụng	K17403	7.97	85	Khá	4,450,000	
18	K174030266	Hồ An	Trung	K17403	7.91	93	Khá	4,450,000	
19	K174040394	Võ Thanh	Tân	K17404	9.08	90	Xuất sắc	5,400,000	
20	K174040408	Nguyễn Lê Thanh	Thư	K17404	9.0	93	Xuất sắc	5,400,000	
21	K174040372	Trần Thị Kim	Nguyên	K17404	9.3	85	Giỏi	4,900,000	
22	K174040329	Huỳnh Trần Bảo	Hân	K17404	8.88	93	Giỏi	4,900,000	
23	K174040323	Đào Thị Phương	Duyên	K17404	8.82	93	Giỏi	4,900,000	
24	K174040392	Trần Nguyễn Thanh	Son	K17404	8.78	85	Giỏi	4,900,000	
25	K174040433	Nguyễn Trần Nhật	Vinh	K17404	8.75	85	Giỏi	4,900,000	
26	K174050534	Trần Thị Tuyết	Nhi	K17405	9.58	90	Xuất sắc	5,400,000	
27	K174050546	Huỳnh Thị Mỹ	Thảo	K17405	9.37	95	Xuất sắc	5,400,000	
28	K174050535	Trương Huỳnh Yến	Nhi	K17405	9.33	90	Xuất sắc	5,400,000	
29	K174050554	Đoàn Triệu Hương	Trinh	K17405	9.25	98	Xuất sắc	5,400,000	
30	K174050525	Nguyễn Thảo	My	K17405	9.25	90	Xuất sắc	5,400,000	
31	K174060684	Lý Thị Xuân	Triển	K17406	9.0	100	Xuất sắc	5,400,000	
32	K174060638	Nguyễn Thị Thùy	Dương	K17406	9.3	80	Giỏi	4,900,000	
33	K174060664	Nguyễn Thị	Quyên	K17406	9.1	88	Giỏi	4,900,000	
34	K174060643	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	K17406	9.0	84	Giỏi	4,900,000	
35	K174070752	Nguyễn Thị Cẩm	Hằng	K17407	8.4	90	Giỏi	4,900,000	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐTB HK	ĐRL	XL HB	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
36	K174070802	Nguyễn Thị Lan	Thương	K17407	8.12	91	Giỏi	4,900,000	
37	K174070733	Nguyễn Quốc Đại Trường	An	K17407	8.08	93	Giỏi	4,900,000	
38	K174070767	Mai Thị	Lụa	K17407	8.03	85	Giỏi	4,900,000	
39	K174070758	Đặng Thị Thiên	Hương	K17407	8.03	85	Giỏi	4,900,000	
40	K174070788	Lỗ Thanh	Thảo	K17407	7.95	93	Khá	4,450,000	
41	K174070780	Hồ Thị Trúc	Quyên	K17407	7.95	85	Khá	4,450,000	
42	K174080863	Nguyễn Khoa Gia	Bảo	K17408	9.05	96	Xuất sắc	5,400,000	
43	K174080858	Hoàng Phan Hoài	An	K17408	8.95	95	Giỏi	4,900,000	
44	K174080888	Lê Ngọc Quang	Khởi	K17408	8.9	98	Giỏi	4,900,000	
45	K174080869	Đỗ Thị	Dung	K17408	8.9	85	Giỏi	4,900,000	
46	K174080889	Hồ Thị Mỹ	Linh	K17408	8.89	93	Giỏi	4,900,000	
47	K174080887	Lê Quốc	Khánh	K17408	8.8	100	Giỏi	4,900,000	
48	K174091066	Trịnh Thị Thanh	Thảo	K17409	9.18	100	Xuất sắc	5,400,000	
49	K174091061	Trần Anh	Tài	K17409	9.0	93	Xuất sắc	5,400,000	
50	K174091016	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	K17409	9.0	90	Xuất sắc	5,400,000	
51	K174091044	Trần Thị Diệu	Linh	K17409	9.06	85	Giỏi	4,900,000	
52	K174091074	Trần Thùy	Trang	K17409	8.97	91	Giỏi	4,900,000	
53	K174101135	Nguyễn Huỳnh Nữ Thúy	Huyền	K17410	8.44	88	Giỏi	4,900,000	
54	K174101151	Đoàn Thùy Minh	Nguyệt	K17410	8.42	85	Giỏi	4,900,000	
55	K174101172	Cao Thị	Trang	K17410	8.42	82	Giỏi	4,900,000	
56	K174101140	Nguyễn Thị Thúy	Liễu	K17410	8.35	88	Giỏi	4,900,000	
57	K174101134	Trần Nguyễn Quốc	Huy	K17410	8.33	98	Giỏi	4,900,000	
58	K174111224	Vương Ngọc	Ánh	K17411	8.56	93	Giỏi	4,900,000	
59	K174111268	Phan Thị Bích	Phê	K17411	8.11	85	Giỏi	4,900,000	
60	K174111261	Trần Đại	Nghĩa	K17411	8.0	81	Giỏi	4,900,000	
61	K174111255	Nguyễn Duy	Minh	K17411	7.8	80	Khá	4,450,000	
62	K174111256	Nguyễn Thị Kiều	My	K17411	7.75	88	Khá	4,450,000	
63	K174111289	Lê Huỳnh Phương	Yến	K17411	7.75	85	Khá	4,450,000	
64	K174040409	Nguyễn Minh Anh	Thư	K17412	9.25	85	Giỏi	4,900,000	
65	K174040335	Nguyễn Phạm Đông	Hồ	K17412	8.75	98	Giỏi	4,900,000	
66	K174040366	Nguyễn Thị Cẩm	Ngân	K17412	8.67	85	Giỏi	4,900,000	
67	K174040352	Nguyễn Thị Ngọc	Loan	K17412	8.58	85	Giỏi	4,900,000	
68	K175011341	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	K17501	9.27	90	Xuất sắc	5,400,000	
69	K175011397	Đặng Thị	Trang	K17501	9.05	100	Xuất sắc	5,400,000	
70	K175011406	Nguyễn Thị Ngọc	Tú	K17501	8.97	85	Giỏi	4,900,000	
71	K175011399	Nguyễn Thị Huyền	Trang	K17501	8.75	92	Giỏi	4,900,000	
72	K175011342	Trần Hải	Đặng	K17501	8.61	98	Giỏi	4,900,000	
73	K175011398	Mai Thùy	Trang	K17501	8.58	92	Giỏi	4,900,000	
74	K175021524	Huỳnh Ngọc Thùy	Trinh	K17502	8.8	100	Giỏi	4,900,000	
75	K175021510	Nguyễn Thị Anh	Thi	K17502	8.58	90	Giỏi	4,900,000	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐTB HK	ĐRL	XL HB	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
76	K175021506	Bùi Thị Thanh	Tâm	K17502	8.5	93	Giỏi	4,900,000	
77	K175021520	Trần Thị Thùy	Trang	K17502	8.4	90	Giỏi	4,900,000	
78	K175021455	Dư Ngọc	Diệp	K17502	8.33	98	Giỏi	4,900,000	
79	K175021504	Nguyễn Vũ Hương	Quỳnh	K17502	8.33	90	Giỏi	4,900,000	
80	K175031616	Huỳnh Phương	Ngoan	K17503	8.88	100	Giỏi	4,900,000	
81	K175031631	Trần Đức	Thành	K17503	8.25	98	Giỏi	4,900,000	
82	K175031592	Nguyễn Thị Thu	Hương	K17503	7.26	88	Khá	4,450,000	
83	K175031600	Đỗ Nguyễn Thanh	Lam	K17503	7.18	92	Khá	4,450,000	
84	K175031618	Nguyễn Thanh	Nhàn	K17503	7.16	85	Khá	4,450,000	
85	K175041722	Đoàn Thị Kiều	Nga	K17504	9.06	93	Xuất sắc	5,400,000	
86	K175041711	Đặng Thị Thảo	Huyền	K17504	8.8	90	Giỏi	4,900,000	
87	K175041708	Lê Thị Ngọc	Hiệp	K17504	8.72	100	Giỏi	4,900,000	
88	K175041718	Lê Anh	Minh	K17504	8.72	84	Giỏi	4,900,000	
89	K175041730	Nguyễn Ngọc Mai	Phương	K17504	8.66	96	Giỏi	4,900,000	
90	K175041715	Đỗ Thị	Linh	K17504	8.66	90	Giỏi	4,900,000	
91	K184010041	Phùng Thị Tuyết	Nhung	K18401	8.98	98	Giỏi	4,900,000	
92	K184010016	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	K18401	8.78	96	Giỏi	4,900,000	
93	K184010023	Lê Thị Hương	Lan	K18401	8.56	98	Giỏi	4,900,000	
94	K184010015	Huỳnh Thị Thanh	Hòa	K18401	8.56	93	Giỏi	4,900,000	
95	K184010056	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	K18401	8.5	95	Giỏi	4,900,000	
96	K184020192	Phan Thị Thúy	Vy	K18402	9.34	93	Xuất sắc	5,400,000	
97	K184020183	Phạm Thị Phương	Trang	K18402	9.22	98	Xuất sắc	5,400,000	
98	K184020116	Diệp Huỳnh Phương	Dung	K18402	9.22	90	Xuất sắc	5,400,000	
99	K184020149	Huỳnh Thị Thu	Ngân	K18402	9.29	85	Giỏi	4,900,000	
100	K184020172	Nguyễn Dương Ngọc	Thắm	K18402	9.23	85	Giỏi	4,900,000	
101	K184020115	Nguyễn Thị Ngọc	Diệu	K18402	8.95	96	Giỏi	4,900,000	
102	K184020159	Phạm Nguyễn Như	Như	K18402	8.86	91	Giỏi	4,900,000	
103	K184030302	Nguyễn Thúy	Vi	K18403	8.79	93	Giỏi	4,900,000	
104	K184030250	Võ Thị Mỹ	Hạnh	K18403	8.56	85	Giỏi	4,900,000	
105	K184030238	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	K18403	8.52	98	Giỏi	4,900,000	
106	K184030293	Văn Thị Hoài	Trâm	K18403	8.47	100	Giỏi	4,900,000	
107	K184030245	Phạm Thị Mỹ	Duyên	K18403	8.47	93	Giỏi	4,900,000	
108	K184030282	Võ Thu	Thảo	K18403	8.37	93	Giỏi	4,900,000	
109	K184040362	Lê Đình	Huy	K18404A	8.95	85	Giỏi	4,900,000	
110	K184040397	Nguyễn Trần Quế	Trâm	K18404A	8.52	93	Giỏi	4,900,000	
111	K184040392	Lê Thanh	Thảo	K18404A	8.29	98	Giỏi	4,900,000	
112	K184040366	Nguyễn Thị Thu	Hương	K18404A	8.24	88	Giỏi	4,900,000	
113	K184040349	Biện Minh	Chính	K18404A	8.19	98	Giỏi	4,900,000	
114	K184040436	Nguyễn Quang	Nhật	K18404B	8.56	90	Giỏi	4,900,000	
115	K184040442	Nguyễn Thành	Tấn	K18404B	8.44	98	Giỏi	4,900,000	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐTB HK	ĐRL	XL HB	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
116	K184040468	Lê Thị Trà	Vy	K18404B	8.31	91	Giỏi	4,900,000	
117	K184040430	Đỗ Thị Ái	Ly	K18404B	8.31	87	Giỏi	4,900,000	
118	K184040454	Trần Thị Ngọc	Trâm	K18404B	8.26	94	Giỏi	4,900,000	
119	K184050626	Nguyễn Thị Kim	Xuân	K18405	8.97	93	Giỏi	4,900,000	
120	K184050614	Nguyễn Hoàng Ngọc	Trân	K18405	8.75	90	Giỏi	4,900,000	
121	K184050555	Nguyễn Thị Thùy	Dung	K18405	8.64	91	Giỏi	4,900,000	
122	K184050585	Lê Nguyễn Thanh	Ngân	K18405	8.62	93	Giỏi	4,900,000	
123	K184050561	Huỳnh Thị Thu	Hà	K18405	8.52	85	Giỏi	4,900,000	
124	K184050565	Trần Thị Diệu	Hiền	K18405	8.5	92	Giỏi	4,900,000	
125	K184060742	Lê Thị Yến	Nhi	K18406	9.31	90	Xuất sắc	5,400,000	
126	K184060746	Lê Như	Quỳnh	K18406	9.19	91	Xuất sắc	5,400,000	
127	K184060741	Hồ Thị Tố	Nhi	K18406	9.11	90	Xuất sắc	5,400,000	
128	K184060739	Võ Hồng	Ngọc	K18406	9.03	90	Xuất sắc	5,400,000	
129	K184060709	Lê Quốc	Cường	K18406	8.83	85	Giỏi	4,900,000	
130	K184070847	Nguyễn Vũ Bảo	Nghi	K18407	8.73	96	Giỏi	4,900,000	
131	K184070820	Nguyễn Cao Kỳ	Duyên	K18407	8.67	91	Giỏi	4,900,000	
132	K184070881	Nguyễn Hữu	Thành	K18407	8.57	96	Giỏi	4,900,000	
133	K184070824	Đoàn Thành	Đạt	K18407	8.5	93	Giỏi	4,900,000	
134	K184070893	Hồ Ngọc Bảo	Trân	K18407	8.5	85	Giỏi	4,900,000	
135	K184070818	Lê Thị Ngọc	Diễm	K18407	8.45	90	Giỏi	4,900,000	
136	K184070841	Phạm Lê Tuyết	Mai	K18407	8.44	85	Giỏi	4,900,000	
137	K184081005	Bùi Ngọc Mỹ	Linh	K18408	9.34	91	Xuất sắc	5,400,000	
138	K184080985	Phạm Minh	Châu	K18408	9.23	93	Xuất sắc	5,400,000	
139	K184081054	Nguyễn Ngọc Lan	Vy	K18408	9.18	98	Xuất sắc	5,400,000	
140	K184081007	Hồ Thị Bích	Loan	K18408	9.11	96	Xuất sắc	5,400,000	
141	K184081009	Bùi Thị Hiền	Luong	K18408	9.09	94	Xuất sắc	5,400,000	
142	K184081041	Nguyễn Võ Bảo	Trân	K18408	9.06	90	Xuất sắc	5,400,000	
143	K184080984	Nguyễn Thị Yên	Bình	K18408	9.13	85	Giỏi	4,900,000	
144	K184091153	Đỗ Quốc	Khải	K18409	9.34	93	Xuất sắc	5,400,000	
145	K184091156	Lê Thị Mỹ	Linh	K18409	9.16	98	Xuất sắc	5,400,000	
146	K184091204	Nguyễn Quốc	Trọng	K18409	8.84	90	Giỏi	4,900,000	
147	K184091198	Ngô Thị Thu	Trang	K18409	8.83	98	Giỏi	4,900,000	
148	K184091149	Nguyễn Thị Thu	Hiền	K18409	8.78	98	Giỏi	4,900,000	
149	K184091196	Lê Thị Xuân	Thương	K18409	8.78	91	Giỏi	4,900,000	
150	K184101269	Ngô Minh	Long	K18410	8.97	97	Giỏi	4,900,000	
151	K184101293	Ngô Thị Thiên	Thảo	K18410	8.71	96	Giỏi	4,900,000	
152	K184101282	Nguyễn Thúy	Nhi	K18410	8.66	98	Giỏi	4,900,000	
153	K184101301	Đinh Thị Thùy	Trang	K18410	8.61	90	Giỏi	4,900,000	
154	K184101273	Hoàng Nguyễn Thị Hà	My	K18410	8.55	88	Giỏi	4,900,000	
155	K184111417	Phạm Thị Ngọc	Thảo	K18411	8.94	100	Giỏi	4,900,000	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐTB HK	ĐRL	XL HB	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
156	K184111372	Trần Ngọc	Hiếu	K18411	8.82	93	Giỏi	4,900,000	
157	K184111377	Nguyễn Thị Bích	Liên	K18411	8.81	90	Giỏi	4,900,000	
158	K184111371	Vũ Thị Minh	Hân	K18411	8.69	91	Giỏi	4,900,000	
159	K184111434	Lý Bảo	Tuyền	K18411	8.64	92	Giỏi	4,900,000	
160	K184111374	Lê Bảo	Khanh	K18411	8.63	93	Giỏi	4,900,000	
161	K184131509	Đặng Tường	Vi	K18413	8.63	91	Giỏi	4,900,000	
162	K184131485	Mai Thị Khánh	Hồng	K18413	8.63	90	Giỏi	4,900,000	
163	K184131479	Tiêu Thùy	Dung	K18413	8.56	91	Giỏi	4,900,000	
164	K185011583	Lê Thị Quế	Trân	K18501	8.52	96	Giỏi	4,900,000	
165	K185011529	Tần Trúc Hạnh	Đoan	K18501	8.52	96	Giỏi	4,900,000	
166	K185011577	Hoàng Thị Thanh	Thư	K18501	8.45	93	Giỏi	4,900,000	
167	K185011578	Nguyễn Thương	Thư	K18501	8.43	100	Giỏi	4,900,000	
168	K185011557	Lê Hiền	Như	K18501	8.4	90	Giỏi	4,900,000	
169	K185011572	Huỳnh Hoàng	Thịnh	K18501	8.32	98	Giỏi	4,900,000	
170	K185011562	Nguyễn Hoàng Như	Phượng	K18501	8.28	95	Giỏi	4,900,000	
171	K185021643	Lê Thị Hồng	Đào	K18502	8.25	100	Giỏi	4,900,000	
172	K185021690	Trương Nguyễn Phương	Thảo	K18502	8.25	90	Giỏi	4,900,000	
173	K185021679	Nguyễn Lê Như	Quỳnh	K18502	8.19	85	Giỏi	4,900,000	
174	K185021636	Trần Nguyễn Hoàng	Anh	K18502	8.18	90	Giỏi	4,900,000	
175	K185021647	Nguyễn Ngọc	Hà	K18502	8.13	81	Giỏi	4,900,000	
176	K185021682	Hồ Thị Thanh	Tâm	K18502	8.11	93	Giỏi	4,900,000	
177	K185031756	Nguyễn Thị Vân	Anh	K18503	8.35	85	Giỏi	4,900,000	
178	K185031764	Kiều Thị Kim	Dung	K18503	8.18	85	Giỏi	4,900,000	
179	K185031754	Nguyễn Ngọc Quế	Anh	K18503	8.11	85	Giỏi	4,900,000	
180	K185031758	Võ Trần Khánh	Băng	K18503	7.81	85	Khá	4,450,000	
181	K185031777	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	K18503	7.69	98	Khá	4,450,000	
182	K185041922	Lê Thị Tường	Vy	K18504	8.5	90	Giỏi	4,900,000	
183	K185041898	Đặng Thị Bích	Tâm	K18504	8.1	90	Giỏi	4,900,000	
184	K185041915	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	K18504	8.02	91	Giỏi	4,900,000	
185	K185041865	Trần Thị Quỳnh	Duyên	K18504	7.97	93	Khá	4,450,000	
186	K185041866	Lữ Nguyễn Thùy	Dương	K18504	7.94	95	Khá	4,450,000	
187	K194010015	Nguyễn Thị	Hằng	K19401	8.78	91	Giỏi	4,900,000	
188	K194010011	Lê Minh	Đức	K19401	8.53	85	Giỏi	4,900,000	
189	K194010068	Phan Sỹ Phước	Trung	K19401	8.52	93	Giỏi	4,900,000	
190	K194010007	Hồ Huy Quốc	Cường	K19401	8.5	98	Giỏi	4,900,000	
191	K194010066	Lê Kiều	Trình	K19401	8.42	90	Giỏi	4,900,000	
192	K194010053	Diệp Bảo	Thiện	K19401	8.34	95	Giỏi	4,900,000	
193	K194020196	Trương Nghinh	Xuân	K19402	9.38	100	Xuất sắc	5,400,000	
194	K194020143	Nguyễn Hiếu	Huân	K19402	9.2	98	Xuất sắc	5,400,000	
195	K194020159	Phan Thúy	Ngân	K19402	8.98	96	Giỏi	4,900,000	



STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐTB HK	ĐRL	XL HB	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
196	K194020166	Vũ Thị Minh	Nguyệt	K19402	8.98	88	Giỏi	4,900,000	
197	K194020124	Nguyễn Thị Kim	Bình	K19402	8.98	85	Giỏi	4,900,000	
198	K194020141	Phan Thị	Hòa	K19402	8.93	85	Giỏi	4,900,000	
199	K194030286	Tôn Nữ Lê	Hân	K19403	8.75	93	Giỏi	4,900,000	
200	K194030296	Lê Thị Yến	Linh	K19403	8.4	98	Giỏi	4,900,000	
201	K194030308	Đặng Thị Ý	Như	K19403	8.28	93	Giỏi	4,900,000	
202	K194030287	Nguyễn Thị Bích	Hiền	K19403	8.28	91	Giỏi	4,900,000	
203	K194030298	Nguyễn Tuyết	Mai	K19403	8.28	85	Giỏi	4,900,000	
204	K194040447	Lê Nguyễn Phương	Trâm	K19404A	8.3	82	Giỏi	4,900,000	
205	K194040445	Nguyễn Thị Minh	Trang	K19404A	8.26	91	Giỏi	4,900,000	
206	K194040410	Lê Nguyễn Quốc	Huy	K19404A	8.25	82	Giỏi	4,900,000	
207	K194040397	Trần Hoàng	Duy	K19404A	8.18	92	Giỏi	4,900,000	
208	K194040452	Nguyễn Hữu	Trường	K19404A	8.1	93	Giỏi	4,900,000	
209	K194040417	Hà Văn	Minh	K19404A	8.08	98	Giỏi	4,900,000	
210	K194040488	Trần Thái Nhật	Khôi	K19404B	8.73	85	Giỏi	4,900,000	
211	K194040519	Trương Thị Mai	Trinh	K19404B	8.63	95	Giỏi	4,900,000	
212	K194040495	Nguyễn Trà	Mai	K19404B	8.58	91	Giỏi	4,900,000	
213	K194040496	Phan Nguyễn Ngọc	Mai	K19404B	8.54	93	Giỏi	4,900,000	
214	K194040500	Lê Thị Thảo	Nhi	K19404B	8.52	91	Giỏi	4,900,000	
215	K194050668	Nguyễn Thị Thu	Thủy	K19405	8.71	90	Giỏi	4,900,000	
216	K194050635	Phan Thị Thanh	Liêm	K19405	8.63	85	Giỏi	4,900,000	
217	K194050680	Võ Ngọc	Trâm	K19405	8.59	85	Giỏi	4,900,000	
218	K194050669	Nguyễn Thị Xuân	Thủy	K19405	8.55	85	Giỏi	4,900,000	
219	K194050684	Trương Cẩm	Tú	K19405	8.54	85	Giỏi	4,900,000	
220	K194050618	Phạm Kiều	Diễm	K19405	8.47	81	Giỏi	4,900,000	
221	K194060777	Nguyễn Thị Thùy	Dương	K19406	8.75	91	Giỏi	4,900,000	
222	K194060809	Dương Phạm Diễm	Quỳnh	K19406	8.7	93	Giỏi	4,900,000	
223	K194060780	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	K19406	8.52	85	Giỏi	4,900,000	
224	K194060779	Nguyễn Lê Mỹ	Hạnh	K19406	8.32	88	Giỏi	4,900,000	
225	K194060825	Trương Thị Thanh	Thư	K19406	8.09	96	Giỏi	4,900,000	
226	K194070899	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	K19407	8.75	85	Giỏi	4,900,000	
227	K194070904	Nguyễn Thị Hồng	Huệ	K19407	8.73	96	Giỏi	4,900,000	
228	K194070924	Nguyễn Nhựt	Minh	K19407	8.71	95	Giỏi	4,900,000	
229	K194070944	Võ Anh	Thư	K19407	8.63	95	Giỏi	4,900,000	
230	K194070884	Trần Đoàn Mỹ	Ái	K19407	8.62	93	Giỏi	4,900,000	
231	K194070948	Nguyễn Thị Vân	Trinh	K19407	8.58	95	Giỏi	4,900,000	
232	K194081062	Lê Thanh	Hải	K19408	9.27	100	Xuất sắc	5,400,000	
233	K194081050	Cao Thị Ngọc	Ánh	K19408	9.32	85	Giỏi	4,900,000	
234	K194081101	Nguyễn Ngọc Phương	Quỳnh	K19408	8.95	90	Giỏi	4,900,000	
235	K194081109	Đình Phúc	Thiện	K19408	8.9	91	Giỏi	4,900,000	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐTB HK	ĐRL	XL HB	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
236	K194081094	Tô Thị Hồng	Nhung	K19408	8.9	90	Giỏi	4,900,000	
237	K194081099	Lê Minh	Quang	K19408	8.9	85	Giỏi	4,900,000	
238	K194091257	Lê Văn	Cường	K19409	8.76	91	Giỏi	4,900,000	
239	K194091256	Lê Tuấn	Cường	K19409	8.66	93	Giỏi	4,900,000	
240	K194091304	Trần Phương	Thảo	K19409	8.63	91	Giỏi	4,900,000	
241	K194091301	Trần Thị Hồng	Thanh	K19409	8.6	85	Giỏi	4,900,000	
242	K194091265	Trần Nhật	Hiền	K19409	8.55	92	Giỏi	4,900,000	
243	K194091261	Lê Thị Ngọc	Hà	K19409	8.52	96	Giỏi	4,900,000	
244	K194101426	Phạm Minh	Tuấn	K19410	8.92	93	Giỏi	4,900,000	
245	K194101376	Lê Ngọc Như	Hào	K19410	8.76	85	Giỏi	4,900,000	
246	K194101410	Phan Thị	Quyên	K19410	8.73	93	Giỏi	4,900,000	
247	K194101407	Nguyễn Hữu	Phú	K19410	8.69	94	Giỏi	4,900,000	
248	K194101433	Lê Hoàng	Việt	K19410	8.66	93	Giỏi	4,900,000	
249	K194101432	Đặng Nhật	Việt	K19410	8.58	95	Giỏi	4,900,000	
250	K194111539	Tô Thiên	Kim	K19411	8.83	85	Giỏi	4,900,000	
251	K194111537	Nguyễn Huy	Hoàng	K19411	8.74	96	Giỏi	4,900,000	
252	K194111522	Cao Hoài Băng	Châu	K19411	8.71	85	Giỏi	4,900,000	
253	K194111543	Tạ Nguyễn Phú	Lộc	K19411	8.64	93	Giỏi	4,900,000	
254	K194111530	Phạm Minh	Đạt	K19411	8.6	98	Giỏi	4,900,000	
255	K194111541	Lưu Nguyễn Huỳnh	Lê	K19411	8.54	85	Giỏi	4,900,000	
256	K194131697	Vũ Đức Ngọc	Thiện	K19413	8.72	90	Giỏi	4,900,000	
257	K194131678	Nguyễn Thị Phương	Nga	K19413	8.44	85	Giỏi	4,900,000	
258	K194131672	Nguyễn Thị	Mai	K19413	8.35	100	Giỏi	4,900,000	
259	K194131691	Mai Thị Yến	Phi	K19413	7.83	90	Khá	4,450,000	
260	K194131674	Phương Thị Ngọc	Minh	K19413	7.67	85	Khá	4,450,000	
261	K194131683	Thái Thị Hồng	Ngọc	K19413	7.53	96	Khá	4,450,000	
262	K194151764	Nguyễn Ngọc Hương	Giang	K19415	9.0	85	Giỏi	4,900,000	
263	K194151772	Nguyễn Thị Thu	Hương	K19415	8.44	85	Giỏi	4,900,000	
264	K194151775	Dương Thị Hồng	Mai	K19415	8.26	96	Giỏi	4,900,000	
265	K194151777	Đỗ Thị Hồng	Ngọc	K19415	8.12	85	Giỏi	4,900,000	
266	K194151787	Nguyễn Huỳnh	Như	K19415	8.12	85	Giỏi	4,900,000	
267	K195011900	Đinh Thị Tường	Vi	K19501	8.72	85	Giỏi	4,900,000	
268	K195011902	Ngô Trúc Tường	Vy	K19501	8.43	83	Giỏi	4,900,000	
269	K195011855	Tạ Thị Thảo	Ngân	K19501	8.36	85	Giỏi	4,900,000	
270	K195011865	Võ Yến	Nhi	K19501	8.33	85	Giỏi	4,900,000	
271	K195011848	Trần Thị Ánh	Linh	K19501	8.22	93	Giỏi	4,900,000	
272	K195011895	Trần Thị	Trúc	K19501	8.19	91	Giỏi	4,900,000	
273	K195022021	Trần Triệu	Vy	K19502	8.89	95	Giỏi	4,900,000	
274	K195022003	Lương Diễm	Thy	K19502	8.83	85	Giỏi	4,900,000	
275	K195021950	Vũ Thị Ngọc	Chinh	K19502	8.75	96	Giỏi	4,900,000	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐTB HK	ĐRL	XL HB	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
276	K195022000	Trần Thị	Thảo	K19502	8.63	93	Giỏi	4,900,000	
277	K195021989	Hồ Xuân	Phuong	K19502	8.63	91	Giỏi	4,900,000	
278	K195021995	Nguyễn Lê Diễm	Quỳnh	K19502	8.63	90	Giỏi	4,900,000	
279	K195032116	Phạm Thị Kim	Hương	K19503	8.64	96	Giỏi	4,900,000	
280	K195032108	Trần Xuân	Hàng	K19503	8.59	94	Giỏi	4,900,000	
281	K195032146	Nguyễn Chí	Thanh	K19503	8.47	85	Giỏi	4,900,000	
282	K195032104	Nguyễn Thị	Diễm	K19503	8.09	85	Giỏi	4,900,000	
283	K195032138	Nguyễn Kiều Lan	Phuong	K19503	8.07	98	Giỏi	4,900,000	
284	K195042211	Đào Quốc	Cường	K19504	8.5	96	Giỏi	4,900,000	
285	K195042216	Nguyễn Thị Ánh	Dương	K19504	8.38	85	Giỏi	4,900,000	
286	K195042266	Vũ Lê Hoài	Thương	K19504	8.08	90	Giỏi	4,900,000	
287	K195042220	Lê Thị Ngọc	Hân	K19504	8.08	85	Giỏi	4,900,000	
288	K195042258	Lê Thị Thu	Thảo	K19504	7.98	85	Khá	4,450,000	
289	K175021523	Huỳnh Thị Bảo	Trân	K17502	8.36	84	Giỏi	4,900,000	

Tổng cộng

289 SV

1,424,050,000

Bảng chữ: Một tỷ bốn trăm hai mươi bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng chẵn

TP.HCM, ngày 15 tháng 12 năm 2020

NGƯỜI LẬP BẢNG



Nguyễn Ngọc Phương Thảo

TRƯỜNG P.CTSV



Võ Văn Trọng

2. TRƯỜNG P.KH - TC



Lưu Văn Lập



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

TP. HCM



Nguyễn Tiến Dũng

8

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2019 - 2020 (LỚP CHẤT LƯỢNG CAO)**

Theo Quyết định số: 184/QĐ-ĐHKTL ngày 15 tháng 12 năm 2020

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐTB HK	ĐRL	XL HB	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	K174020195	Hà Mai	Thy	K17402C	9.53	96	Xuất sắc	14,000,000	
2	K174020194	Nguyễn Phan Hoài	Thương	K17402C	9.38	93	Xuất sắc	7,000,000	
3	K174020181	Vũ Thị Mai	Hương	K17402C	9.25	93	Xuất sắc	7,000,000	
4	K174020170	Nguyễn Thị Như	Ái	K17402C	9.06	98	Xuất sắc	3,500,000	
5	K174020188	Ngô Thanh	Ngân	K17402C	9.06	90	Xuất sắc	3,500,000	
6	K174020192	Đào Thị Phương	Thảo	K17402C	9.0	90	Xuất sắc	3,500,000	
7	K174020190	Thái Ngọc Gia	Phúc	K17402C	9.34	88	Giỏi	3,500,000	
8	K174030299	Trần Đức	Trung	K17403C	8.94	100	Giỏi	14,000,000	
9	K174030281	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	K17403C	8.66	93	Giỏi	7,000,000	
10	K174030289	Nguyễn Thu	Phương	K17403C	8.63	93	Giỏi	7,000,000	
11	K174030284	Nguyễn Hoàng Thảo	Nguyên	K17403C	8.47	93	Giỏi	3,500,000	
12	K174030304	Hoàng Gia	Tú	K17403C	8.47	87	Giỏi	3,500,000	
13	K174030280	Trần Thị Hà	My	K17403C	8.16	88	Giỏi	3,500,000	
14	K174040469	Đào Phương	Thảo	K17404C	9.11	85	Giỏi	14,000,000	
15	K174040462	Vũ Hoàng	Phúc	K17404C	9.0	85	Giỏi	7,000,000	
16	K174040464	Phạm Thu	Phương	K17404C	8.93	85	Giỏi	7,000,000	
17	K174040456	Huỳnh Ngọc Như	Mai	K17404C	8.71	91	Giỏi	3,500,000	
18	K174040452	Lê Thị Mỹ	Linh	K17404C	8.64	85	Giỏi	3,500,000	
19	K174040460	Nguyễn Nguyễn Quỳnh	Như	K17404C	8.64	85	Giỏi	3,500,000	
20	K174040466	Nguyễn Ngọc	Sương	K17404C	8.6	85	Giỏi	3,500,000	
21	K174050581	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	K17405C	9.4	98	Xuất sắc	14,000,000	
22	K174050580	Nguyễn Thị Khánh	Ngân	K17405C	9.25	96	Xuất sắc	7,000,000	
23	K174050594	Thái Thị Phương	Trang	K17405C	9.0	100	Xuất sắc	7,000,000	
24	K174050592	Nguyễn Lê Cẩm	Thi	K17405C	8.7	98	Giỏi	3,500,000	
25	K174050593	Bùi Thị Thùy	Trang	K17405C	8.7	93	Giỏi	3,500,000	
26	K174050588	Hoàng Thị Lan	Phượng	K17405C	8.6	85	Giỏi	3,500,000	
27	K174050570	Nguyễn Thị Lan	Hương	K17405C	8.6	85	Giỏi	3,500,000	
28	K174060704	Phạm Tuyết Quỳnh	Hương	K17406C	9.2	98	Xuất sắc	14,000,000	
29	K174060725	Võ Minh	Trí	K17406C	9.2	90	Xuất sắc	7,000,000	
30	K174060691	Trương Ngọc Thúy	Vi	K17406C	9.0	90	Xuất sắc	7,000,000	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐTB HK	ĐRL	XL HB	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
31	K174060729	Lê Thị Thanh	Vân	K17406C	9.1	85	Giỏi	3,500,000	
32	K174060728	Phạm Thanh	Tú	K17406C	8.9	85	Giỏi	3,500,000	
33	K174060717	Lê Thị Trúc	Phuong	K17406C	8.7	85	Giỏi	3,500,000	
34	K174060714	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	K17406C	8.6	90	Giỏi	3,500,000	
35	K174060711	Đặng Thái	Ngân	K17406C	8.6	85	Giỏi	3,500,000	
36	K174070831	Nguyễn Văn	Khánh	K17407C	8.4	90	Giỏi	14,000,000	
37	K174070842	Hoàng Trần Hải	Nhi	K17407C	8.33	97	Giỏi	7,000,000	
38	K174070847	Nguyễn Thị Minh	Thư	K17407C	8.3	98	Giỏi	7,000,000	
39	K174070856	Bùi Phạm Phương	Vỹ	K17407C	8.29	93	Giỏi	3,500,000	
40	K174070824	Đỗ Thị Ly	Đa	K17407C	8.21	93	Giỏi	3,500,000	
41	K174070833	Huyết Anh	Kiệt	K17407C	8.14	88	Giỏi	3,500,000	
42	K174070839	Nguyễn Hoàng	Mai	K17407C	8.08	96	Giỏi	3,500,000	
43	K174080957	Nguyễn Hồng	Son	K17408C	9.6	91	Xuất sắc	14,000,000	
44	K174080946	Trần Gia	Linh	K17408C	9.4	100	Xuất sắc	7,000,000	
45	K174080956	Nguyễn Thị Kim	Phượng	K17408C	9.3	98	Xuất sắc	7,000,000	Điểm HTTL 8.12
46	K174080952	Phùng Thị Mai	Nguyên	K17408C	9.3	98	Xuất sắc	3,500,000	Điểm HTTL 7.63
47	K174080953	Dương Trần Ngọc	Nhi	K17408C	9.2	90	Xuất sắc	3,500,000	
48	K174080932	Nguyễn Mai Lan	Anh	K17408C	9.0	93	Xuất sắc	3,500,000	
49	K174080963	Nguyễn Hoàng Ngọc	Thủy	K17408C	9.1	85	Giỏi	3,500,000	
50	K174080924	Nguyễn Đức Ngọc	Trân	K17408C	8.9	100	Giỏi	3,500,000	
51	K174091100	Nguyễn Thị Thùy	Linh	K17409C	9.04	96	Xuất sắc	14,000,000	
52	K174091099	Cù Tổng Hoài	Linh	K17409C	8.96	98	Giỏi	7,000,000	
53	K174091108	Nguyễn Phan Bảo	Thị	K17409C	8.86	85	Giỏi	7,000,000	
54	K174091120	Nguyễn Thanh Thúy	Vi	K17409C	8.61	92	Giỏi	3,500,000	
55	K174091085	Nguyễn Thị Mỹ	Giàu	K17409C	8.54	94	Giỏi	3,500,000	
56	K174091118	Cao Thị Tú	Uyên	K17409C	8.54	93	Giỏi	3,500,000	
57	K174091115	Trần Thị Thùy	Trang	K17409C	8.44	100	Giỏi	3,500,000	
58	K174091119	Đặng Thị Mỹ	Uyên	K17409C	8.36	93	Giỏi	3,500,000	
59	K174101216	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	K17410C	8.7	96	Giỏi	14,000,000	
60	K174101182	Thái Thị Nguyên	Chi	K17410C	8.5	98	Giỏi	7,000,000	
61	K174101215	Nguyễn Thị Thanh	Tuyết	K17410C	8.41	88	Giỏi	7,000,000	
62	K174101186	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	K17410C	8.39	99	Giỏi	3,500,000	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐTB HK	ĐRL	XL HB	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
63	K174101209	Nguyễn Thị Nhật	Tiên	K17410C	8.22	95	Giỏi	3,500,000	
64	K174101212	Lê Huỳnh Thị Ngọc	Trâm	K17410C	8.21	80	Giỏi	3,500,000	
65	K174101201	Nguyễn Hồng	Phúc	K17410C	8.2	80	Giỏi	3,500,000	
66	K174101208	Chu Thị	Thùy	K17410C	8.13	85	Giỏi	3,500,000	
67	K175011420	Trần Thị Thùy	Dương	K17501C	8.67	93	Giỏi	14,000,000	
68	K175011418	Trần Ngọc	Diệp	K17501C	8.64	98	Giỏi	7,000,000	
69	K175011419	Nguyễn Lê Thanh	Duyên	K17501C	8.56	88	Giỏi	7,000,000	
70	K175011414	Dương Lan	Anh	K17501C	8.47	90	Giỏi	3,500,000	
71	K175011436	Đào Thị Thu	Phương	K17501C	8.39	95	Giỏi	3,500,000	
72	K175021537	Nguyễn Hoàng Linh	Đan	K17502C	8.83	91	Giỏi	14,000,000	
73	K175021548	Trang Đặng Hiếu	My	K17502C	8.67	90	Giỏi	7,000,000	
74	K175021568	Nguyễn Ngọc Mỹ	Tiên	K17502C	8.5	82	Giỏi	7,000,000	
75	K175021556	Trần Nguyễn Thanh	Phương	K17502C	8.43	93	Giỏi	3,500,000	
76	K175021573	Nguyễn Ngọc Tuyết	Vân	K17502C	8.4	93	Giỏi	3,500,000	
77	K175021538	Nguyễn Đặng Chiêu	Đoan	K17502C	8.31	90	Giỏi	3,500,000	
78	K175021569	Phan Thị Thùy	Trang	K17502C	8.28	96	Giỏi	3,500,000	
79	K175021554	Phạm Dương Hoàng	Phúc	K17502C	8.2	90	Giỏi	3,500,000	
80	K175021561	Tô Võ Yến	Tâm	K17502C	8.1	92	Giỏi	3,500,000	
81	K175031673	Phạm Ngọc Nhất	Phương	K17503C	8.55	92	Giỏi	14,000,000	
82	K175031667	Phạm Quang	Linh	K17503C	8.5	84	Giỏi	7,000,000	
83	K175031669	Nguyễn Thị Chúc	Mai	K17503C	8.34	83	Giỏi	7,000,000	
84	K175031678	Nguyễn Trần Phương	Thảo	K17503C	8.25	85	Giỏi	3,500,000	
85	K175031672	Trịnh Hoài	Phúc	K17503C	8.09	98	Giỏi	3,500,000	
86	K175031670	Lê Vũ Trang	Nhi	K17503C	7.93	92	Khá	3,500,000	
87	K175031686	Trần Thị Thùy	Trang	K17503C	7.87	90	Khá	3,500,000	
88	K184010082	Hoàng	Long	K18401C	9.08	93	Xuất sắc	12,500,000	
89	K184010080	Lê Hoàng	Lâm	K18401C	8.94	95	Giỏi	6,250,000	
90	K184010088	Trần Thị Bảo	Ngọc	K18401C	8.61	95	Giỏi	6,250,000	
91	K184010102	Lê Hoàng Hoa	Vy	K18401C	8.47	85	Giỏi	3,125,000	
92	K184010101	Lê Hoàng	Vũ	K18401C	8.33	93	Giỏi	3,125,000	
93	K184010097	Lê Ngọc Phương	Trang	K18401C	8.33	93	Giỏi	3,125,000	
94	K184010104	Nguyễn Thị Hải	Yến	K18401C	8.25	84	Giỏi	3,125,000	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐTB HK	ĐRL	XL HB	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
95	K184020222	Hồ Thị Thảo	Quyên	K18402C	9.42	90	Xuất sắc	12,500,000	
96	K184020214	Bùi Thành	Lộc	K18402C	9.38	90	Xuất sắc	6,250,000	
97	K184020203	Huỳnh Thị Thu	Hiền	K18402C	9.36	100	Xuất sắc	6,250,000	
98	K184020196	Đỗ Thị Kim	Chi	K18402C	9.34	98	Xuất sắc	3,125,000	
99	K184020233	Hoàng Thế	Vinh	K18402C	9.28	96	Xuất sắc	3,125,000	
100	K184020207	Nguyễn Duy	Khang	K18402C	9.28	90	Xuất sắc	3,125,000	
101	K184020224	Lê Phạm Minh	Thùy	K18402C	9.18	90	Xuất sắc	3,125,000	
102	K184020226	Nguyễn Đình An	Thư	K18402C	9.13	90	Xuất sắc	3,125,000	
103	K184030339	Trần Thị Anh	Thư	K18403C	8.74	85	Giỏi	12,500,000	
104	K184030307	Nguyễn Thị Tuyết	Băng	K18403C	8.58	93	Giỏi	6,250,000	
105	K184030305	Nguyễn Huỳnh Vân	Anh	K18403C	8.53	85	Giỏi	6,250,000	
106	K184030314	Đặng Trần Thu	Hà	K18403C	8.08	96	Giỏi	3,125,000	
107	K184030328	Tô Thị Lệ	Quyên	K18403C	8.03	98	Giỏi	3,125,000	
108	K184030341	Nguyễn Thị Mộng	Tuyền	K18403C	8.02	90	Giỏi	3,125,000	
109	K184030340	Trần Ngọc	Tuấn	K18403C	7.86	93	Khá	3,125,000	
110	K184040479	Lê Thị Thùy	Huế	K18404C	8.1	96	Giỏi	12,500,000	
111	K184040510	Đinh Thị Thùy	Vân	K18404C	8.0	95	Giỏi	6,250,000	
112	K184040485	Lý Thị Kim	Ngân	K18404C	7.88	100	Khá	6,250,000	
113	K184040500	Bùi Trần Thanh	Thảo	K18404C	7.84	91	Khá	3,125,000	
114	K184040476	Nguyễn Trường	Giang	K18404C	7.66	95	Khá	3,125,000	
115	K184040472	Bùi Thị Quỳnh	Dao	K18404C	7.56	93	Khá	3,125,000	
116	K184040497	Vũ Thụy Hồng	Phước	K18404C	7.56	90	Khá	3,125,000	
117	K184040506	Lê Thị	Trọng	K18404C	7.35	88	Khá	3,125,000	
118	K184050632	Nguyễn Hà	Chi	K18405C	8.89	90	Giỏi	12,500,000	
119	K184050648	Nguyễn Lê Bảo	Ngọc	K18405C	8.87	94	Giỏi	6,250,000	
120	K184050654	Phạm Hùng	Son	K18405C	8.87	85	Giỏi	6,250,000	
121	K184050658	Quế Hoàng Hoài	Thương	K18405C	8.73	85	Giỏi	3,125,000	
122	K184030285	Vũ Thị Mộng	Thùy	K18405C	8.38	91	Giỏi	3,125,000	
123	K184050665	Vũ Hải	Yên	K18405C	8.33	85	Giỏi	3,125,000	
124	K184050633	Nguyễn Võ Quỳnh	Dao	K18405C	8.17	83	Giỏi	3,125,000	
125	K184060795	Trương Thị Tuyết	Nga	K18406C	8.77	90	Giỏi	12,500,000	
126	K184060789	Hoàng Nguyễn Quỳnh	Hương	K18406C	8.7	95	Giỏi	6,250,000	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐTB HK	ĐRL	XL HB	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
127	K184060811	Trịnh Thu Huyền	Trang	K18406C	8.44	100	Giỏi	6,250,000	
128	K184060775	Nguyễn Thị Vân	An	K18406C	8.3	85	Giỏi	3,125,000	
129	K184060813	Lê Thanh	Uyên	K18406C	8.2	85	Giỏi	3,125,000	
130	K184060807	Đặng Minh	Thư	K18406C	8.19	85	Giỏi	3,125,000	
131	K184060777	Mai Nguyễn An	Bình	K18406C	7.93	96	Khá	3,125,000	
132	K184060790	Vũ Lê Vĩ	Khang	K18406C	7.92	98	Khá	3,125,000	
133	K184070934	Nguyễn Trường	Thịnh	K18407C	8.58	96	Giỏi	12,500,000	
134	K184070905	Nguyễn Nhật Phương	Anh	K18407C	8.47	93	Giỏi	6,250,000	
135	K184070918	Nguyễn Hoàng	Long	K18407C	8.47	85	Giỏi	6,250,000	
136	K184070904	Hà Thị Minh	Anh	K18407C	8.44	93	Giỏi	3,125,000	
137	K184070939	Trần Mạnh	Tiến	K18407C	8.44	83	Giỏi	3,125,000	
138	K184070927	Nguyễn Bùi Trang	Nhung	K18407C	8.3	85	Giỏi	3,125,000	
139	K184070930	Nguyễn Kim Hoàng	Quyên	K18407C	8.17	93	Giỏi	3,125,000	
140	K184070916	Lý Đặng Thảo	Khanh	K18407C	7.93	93	Khá	3,125,000	
141	K184081067	Nguyễn Hữu Xuân	Lộc	K18408C	9.52	94	Xuất sắc	12,500,000	
142	K184081078	Trần Huỳnh Yến	Nhi	K18408C	9.05	96	Xuất sắc	6,250,000	
143	K184081077	Huỳnh Trần Yến	Nhi	K18408C	8.73	96	Giỏi	6,250,000	
144	K184081083	Nguyễn Thị Thanh	Thư	K18408C	8.64	95	Giỏi	3,125,000	
145	K184081085	Phạm Phú	Toàn	K18408C	8.61	84	Giỏi	3,125,000	
146	K184081075	Đặng Nguyễn Phương	Nguyên	K18408C	8.52	92	Giỏi	3,125,000	
147	K184081064	Dương Trọng	Hiếu	K18408C	8.52	85	Giỏi	3,125,000	
148	K184091232	Trần Hạnh	Thảo	K18409C	9.56	98	Xuất sắc	12,500,000	
149	K184091228	Phạm Nhật	Quyên	K18409C	9.53	98	Xuất sắc	6,250,000	
150	K184091210	Lê Hữu Tuấn	Anh	K18409C	9.47	98	Xuất sắc	6,250,000	
151	K184091235	Nguyễn Quang	Thông	K18409C	9.41	93	Xuất sắc	3,125,000	
152	K184091242	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	K18409C	9.38	91	Xuất sắc	3,125,000	
153	K184091224	Mai Thị Thu	Ngân	K18409C	9.34	98	Xuất sắc	3,125,000	
154	K184091217	Nguyễn Hoàng	Huy	K18409C	9.25	90	Xuất sắc	3,125,000	
155	K184091244	Trần Thảo	Vy	K18409C	9.03	93	Xuất sắc	3,125,000	
156	K184101335	Châu Thành	Long	K18410C	9.06	98	Xuất sắc	12,500,000	
157	K184101344	Nguyễn Hoàng Long	Phi	K18410C	9.0	93	Xuất sắc	6,250,000	
158	K184101318	Nguyễn Đình	Bác	K18410C	8.94	100	Giỏi	6,250,000	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐTB HK	ĐRL	XL HB	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
159	K184101353	Nguyễn Lê Long	Tuyền	K18410C	8.69	85	Giỏi	3,125,000	
160	K184101328	Lê Thị	Hồng	K18410C	8.63	93	Giỏi	3,125,000	
161	K184101338	Trần Anh	Minh	K18410C	8.5	98	Giỏi	3,125,000	
162	K184101357	Trần Phương	Vy	K18410C	8.44	100	Giỏi	3,125,000	
163	K184101342	Trần Thị Quỳnh	Như	K18410C	8.42	91	Giỏi	3,125,000	
164	K184111381	Trần Bá	Long	K18411C	9.0	90	Xuất sắc	12,500,000	
165	K184111447	Nguyễn Thị Thùy	Linh	K18411C	8.94	85	Giỏi	6,250,000	
166	K184111471	Võ Thị Mai	Trinh	K18411C	8.86	100	Giỏi	6,250,000	
167	K184111422	Vũ Phú	Thịnh	K18411C	8.86	96	Giỏi	3,125,000	
168	K184111463	Bùi Phương	Thư	K18411C	8.83	96	Giỏi	3,125,000	
169	K184111453	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	K18411C	8.75	93	Giỏi	3,125,000	
170	K184111442	Lê Trần Giản	Đon	K18411C	8.72	100	Giỏi	3,125,000	
171	K184111467	Nguyễn Ngọc Uyên	Thư	K18411C	8.67	90	Giỏi	3,125,000	
172	K185011611	Vũ Phạm Huyền	Mỹ	K18501C	8.88	93	Giỏi	12,500,000	
173	K185011614	Nguyễn Minh	Ngọc	K18501C	8.68	93	Giỏi	6,250,000	
174	K185011613	Quách Tú	Nghi	K18501C	8.58	90	Giỏi	6,250,000	
175	K185011615	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	K18501C	8.47	93	Giỏi	3,125,000	
176	K185011627	Huỳnh Lê Bảo	Trần	K18501C	8.4	85	Giỏi	3,125,000	
177	K185011630	Phạm Phương	Uyên	K18501C	8.3	85	Giỏi	3,125,000	
178	K185011602	Phạm Linh	Giang	K18501C	8.24	93	Giỏi	3,125,000	
179	K185021741	Vương Nhật Phương	Thanh	K18502C	8.66	94	Giỏi	12,500,000	
180	K185021746	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	K18502C	8.44	98	Giỏi	6,250,000	
181	K185021720	Đỗ Lê Linh	Giang	K18502C	8.41	96	Giỏi	6,250,000	
182	K185021716	Nhữ Ngọc Trâm	Anh	K18502C	8.38	85	Giỏi	3,125,000	
183	K185021728	Phạm Thị Kim	Linh	K18502C	8.29	88	Giỏi	3,125,000	
184	K185021731	Phạm Ngọc Bảo	Ngân	K18502C	8.28	84	Giỏi	3,125,000	
185	K185021727	Nguyễn Ngọc Minh	Khanh	K18502C	8.26	91	Giỏi	3,125,000	
186	K185021721	Nguyễn Thị Hương	Giang	K18502C	8.25	98	Giỏi	3,125,000	
187	K185031826	Nguyễn Ngọc Lan	Hương	K18503C	8.34	85	Giỏi	12,500,000	
188	K185031819	Đồng Thị Ngọc	Ánh	K18503C	8.24	85	Giỏi	6,250,000	
189	K185021664	Nguyễn Trúc	Ngân	K18503C	8.11	95	Giỏi	6,250,000	
190	K185031856	Lê Nguyễn Thảo	Vy	K18503C	8.05	85	Giỏi	3,125,000	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐTB HK	ĐRL	XL HB	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
191	K185031838	Trần Thị Bảo	Ngân	K18503C	7.71	98	Khá	3,125,000	
192	K185031845	Phan Thúy	Quỳnh	K18503C	7.63	100	Khá	3,125,000	
193	K185031854	Nguyễn Thị Phương	Uyên	K18503C	7.6	90	Khá	3,125,000	
194	K185041955	Trần Ngọc Đan	Trâm	K18504C	8.81	90	Giỏi	12,500,000	
195	K185041929	Phạm Nguyễn Trúc	Hạc	K18504C	8.69	90	Giỏi	6,250,000	
196	K185041933	Lê Bảo	Khanh	K18504C	8.45	85	Giỏi	6,250,000	
197	K185041944	Hồ Phúc	Nguyên	K18504C	8.36	93	Giỏi	3,125,000	
198	K185041954	Trần Ngọc Thủy	Tiên	K18504C	8.36	90	Giỏi	3,125,000	
199	K185041938	Trần Hà	My	K18504C	8.33	93	Giỏi	3,125,000	
200	K185041958	Huỳnh Hồ Như	Uyên	K18504C	8.31	85	Giỏi	3,125,000	
201	K194010084	Hoàng Thúy	Bi	K19401C	8.14	85	Giỏi	11,000,000	
202	K194010108	Huỳnh Thị Minh	Thảo	K19401C	8.12	93	Giỏi	5,500,000	
203	K194010083	Trần Minh	Anh	K19401C	8.08	84	Giỏi	5,500,000	
204	K194010107	Đào Việt	Thành	K19401C	8.0	85	Giỏi	2,750,000	
205	K194010112	Võ Hoàng	Trang	K19401C	7.88	95	Khá	2,750,000	
206	K194010079	Lê Gia	Anh	K19401C	7.75	88	Khá	2,750,000	
207	K194010114	Nguyễn Hoàng	Vân	K19401C	7.73	88	Khá	2,750,000	
208	K194010117	Võ Thị Thảo	Vy	K19401C	7.66	80	Khá	2,750,000	
209	K194020225	Nguyễn Bảo	Trâm	K194021C	8.61	91	Giỏi	11,000,000	
210	K194020236	Trịnh Thị Hà	Vy	K194021C	8.5	93	Giỏi	5,500,000	
211	K194020230	Nguyễn Thanh	Tùng	K194021C	8.43	80	Giỏi	5,500,000	
212	K194020219	Bùi Phương	Thảo	K194021C	8.41	90	Giỏi	2,750,000	
213	K194020207	Bùi Thị Trà	My	K194021C	8.36	98	Giỏi	2,750,000	
214	K194020204	Trần Bảo	Khanh	K194021C	8.34	93	Giỏi	2,750,000	
215	K194020209	Đặng Kim	Ngân	K194021C	8.3	91	Giỏi	2,750,000	
216	K194020218	Nguyễn Kim	Thành	K194021C	8.27	93	Giỏi	2,750,000	
217	K194020242	Đường Công	Danh	K194022C	9.03	98	Xuất sắc	11,000,000	
218	K194020237	Lê Minh	Anh	K194022C	8.78	93	Giỏi	5,500,000	
219	K194020249	Nguyễn Minh	Khang	K194022C	8.77	94	Giỏi	5,500,000	
220	K194020246	Trần Phúc	Hân	K194022C	8.77	82	Giỏi	2,750,000	
221	K194020257	Huỳnh Phương	Nghi	K194022C	8.74	96	Giỏi	2,750,000	
222	K194020269	Nguyễn Ngọc Khải	Tú	K194022C	8.58	85	Giỏi	2,750,000	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐTB HK	ĐRL	XL HB	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
223	K194020247	Nguyễn Ngọc	Hoàng	K194022C	8.55	91	Giỏi	2,750,000	
224	K194030354	Trịnh Nguyễn Thu	Hằng	K19403C	8.4	85	Giỏi	11,000,000	
225	K194030374	Trần Ngọc Thanh	Quyên	K19403C	8.34	85	Giỏi	5,500,000	
226	K194030352	Đỗ Văn	Dương	K19403C	8.24	96	Giỏi	5,500,000	
227	K194030367	Trần Thu	Ngân	K19403C	8.04	84	Giỏi	2,750,000	
228	K194030355	Lữ Quỳnh Gia	Hân	K19403C	7.98	85	Khá	2,750,000	
229	K194030379	Lê Minh	Thùy	K19403C	7.92	84	Khá	2,750,000	
230	K194030366	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	K19403C	7.8	81	Khá	2,750,000	
231	K194030372	Phan Ngọc	Như	K19403C	7.78	95	Khá	2,750,000	
232	K194040551	Trương Vĩ	Nhơn	K19404C	8.7	88	Giỏi	11,000,000	
233	K194040565	Lê Ngọc Quế	Trần	K19404C	8.57	88	Giỏi	5,500,000	
234	K194040531	Lê Nguyễn Thúy	Châu	K19404C	8.23	91	Giỏi	5,500,000	
235	K194040559	Lê Đức	Thắng	K19404C	8.1	96	Giỏi	2,750,000	
236	K194040547	Nguyễn Mai Bích	Ngọc	K19404C	8.1	88	Giỏi	2,750,000	
237	K194040552	Võ Hồng	Nhung	K19404C	8.03	85	Giỏi	2,750,000	
238	K194040542	Nguyễn Tấn	Lộc	K19404C	7.86	85	Khá	2,750,000	
239	K194040556	Đào Phương	Thảo	K19404C	7.83	94	Khá	2,750,000	
240	K194050715	Nguyễn Lam	Phương	K19405C	8.61	90	Giỏi	11,000,000	
241	K194050716	Nguyễn Thái	Phương	K19405C	8.44	85	Giỏi	5,500,000	
242	K194050696	Tổng Thị Ngọc	Hân	K19405C	8.33	85	Giỏi	5,500,000	
243	K194050697	Võ Gia	Hân	K19405C	8.29	85	Giỏi	2,750,000	
244	K194050724	Phạm Thùy	Trang	K19405C	8.27	93	Giỏi	2,750,000	
245	K194050692	Nguyễn Thị	Diễm	K19405C	8.23	91	Giỏi	2,750,000	
246	K194050702	Triệu Thị Thu	Hương	K19405C	8.17	85	Giỏi	2,750,000	
247	K194050730	Huỳnh Nguyễn Phương	Uyên	K19405C	8.1	80	Giỏi	2,750,000	
248	K194050704	Phạm Thị Mỹ	Linh	K19405C	8.05	82	Giỏi	2,750,000	
249	K194060868	Bùi Nguyễn Bảo	Quyên	K19406C	8.14	91	Giỏi	11,000,000	
250	K194060858	Nguyễn Thảo	Ngân	K19406C	7.89	95	Khá	5,500,000	
251	K194060859	Nguyễn Duy	Nghĩa	K19406C	7.72	96	Khá	5,500,000	
252	K194060863	Nguyễn Hoàng Tuyết	Nhi	K19406C	7.69	100	Khá	2,750,000	
253	K194060877	Châu Thị Bích	Trâm	K19406C	7.65	83	Khá	2,750,000	
254	K194060873	Nguyễn Đỗ Thanh	Thùy	K19406C	7.5	85	Khá	2,750,000	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐTB HK	ĐRL	XL HB	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
255	K194060855	Phan Thị Hiền	Mai	K19406C	7.48	80	Khá	2,750,000	
256	K194060860	Phạm Thị Mỹ	Ngọc	K19406C	7.44	93	Khá	2,750,000	
257	K194070960	Võ Thị Hoàng	Anh	K19407C	8.73	90	Giỏi	11,000,000	
258	K194071001	Nguyễn Hoàng Thảo	Vi	K19407C	8.43	84	Giỏi	5,500,000	
259	K194070970	Lê Phan Minh	Hậu	K19407C	8.4	96	Giỏi	5,500,000	
260	K194070986	Bạch Võ Hồng	Ngọc	K19407C	8.33	94	Giỏi	2,750,000	
261	K194070972	Lê Quốc	Hoàng	K19407C	8.23	85	Giỏi	2,750,000	
262	K194070968	Lê Trần Gia	Hân	K19407C	8.15	82	Giỏi	2,750,000	
263	K194071000	Lê Trúc	Vi	K19407C	8.13	93	Giỏi	2,750,000	
264	K194070985	Bùi Thị Bích	Ngọc	K19407C	7.96	80	Khá	2,750,000	
265	K194081136	Trần Xuân	Hoài	K194081C	8.88	91	Giỏi	11,000,000	
266	K194081152	Lê Thanh	Ngân	K194081C	8.8	93	Giỏi	5,500,000	
267	K194081144	Nguyễn Thị Mỹ	Kiều	K194081C	8.78	91	Giỏi	5,500,000	
268	K194081148	Lê Gia	Minh	K194081C	8.61	91	Giỏi	2,750,000	
269	K194081149	Hồ Thị	Nga	K194081C	8.53	96	Giỏi	2,750,000	
270	K194081142	Lê Thúc	Khánh	K194081C	8.48	93	Giỏi	2,750,000	
271	K194081157	Phạm Yến	Nhi	K194081C	8.48	91	Giỏi	2,750,000	
272	K194081139	Mai Nguyễn Khánh	Huyền	K194081C	8.44	95	Giỏi	2,750,000	
273	K194091289	Trần Thị Yến	Nhi	K194082C	9.09	98	Xuất sắc	11,000,000	
274	K194081190	Trần Lâm Sơn	Ngọc	K194082C	8.6	85	Giỏi	5,500,000	
275	K194081176	Mai Minh	Vũ	K194082C	8.54	93	Giỏi	5,500,000	
276	K194081168	Phan Nguyễn Dạ	Thảo	K194082C	8.4	85	Giỏi	2,750,000	
277	K194081172	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	K194082C	8.38	94	Giỏi	2,750,000	
278	K194081205	Huỳnh Mai Tường	Vi	K194082C	8.34	85	Giỏi	2,750,000	
279	K194081199	Lưu Hoàng	Thông	K194082C	8.32	93	Giỏi	2,750,000	
280	K194081173	Nguyễn Thị Đông	Trúc	K194082C	8.3	85	Giỏi	2,750,000	
281	K194091344	Lê Hạnh	Nguyên	K19409C	8.93	85	Giỏi	11,000,000	
282	K194091357	Đỗ Thị Hoài	Thương	K19409C	8.76	85	Giỏi	5,500,000	
283	K194091354	Nguyễn Long	Thịnh	K19409C	8.74	93	Giỏi	5,500,000	
284	K194091353	Võ Huỳnh Anh	Thi	K19409C	8.69	85	Giỏi	2,750,000	
285	K194091360	Đoàn Vũ Thùy	Trang	K19409C	8.66	85	Giỏi	2,750,000	
286	K194091336	Lưu Nhân	Hậu	K19409C	8.56	85	Giỏi	2,750,000	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐTB HK	ĐRL	XL HB	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
287	K194091352	Trương Nguyên	Thảo	K19409C	8.52	91	Giỏi	2,750,000	
288	K194091331	Đỗ Phạm Trường	Giang	K19409C	8.33	85	Giỏi	2,750,000	
289	K194101478	Văng Thanh	Phương	K194101C	8.96	85	Giỏi	11,000,000	
290	K194101454	Mai Nguyễn Thanh	Hải	K194101C	8.94	91	Giỏi	5,500,000	
291	K194101450	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	K194101C	8.86	95	Giỏi	5,500,000	
292	K194101471	Nguyễn Thị Kim	Ngân	K194101C	8.77	96	Giỏi	2,750,000	
293	K194101457	Mai Công	Hậu	K194101C	8.74	93	Giỏi	2,750,000	
294	K194101470	Đoàn Thị Yến	Ngân	K194101C	8.54	94	Giỏi	2,750,000	
295	K194101460	Lê Thị Khánh	Huyền	K194101C	8.53	86	Giỏi	2,750,000	
296	K194101504	Trần Gia	Huy	K194102C	9.38	98	Xuất sắc	11,000,000	
297	K194101502	Lại Anh	Dũng	K194102C	8.79	98	Giỏi	5,500,000	
298	K194101508	Mai Linh Uyên	Nhi	K194102C	8.62	93	Giỏi	5,500,000	
299	K194101493	Lê Thị Thanh	Trúc	K194102C	8.62	88	Giỏi	2,750,000	
300	K194101498	Thái Đình	Anh	K194102C	8.6	93	Giỏi	2,750,000	
301	K194101514	Nguyễn Thuý	Vy	K194102C	8.56	91	Giỏi	2,750,000	
302	K194111616	Tổng Thị Phước	Ngọc	K19411C	8.11	90	Giỏi	11,000,000	
303	K194111608	Nguyễn Hoàng Anh	Khoa	K19411C	8.09	85	Giỏi	5,500,000	
304	K194111625	Phan Trí	Tài	K19411C	8.05	92	Giỏi	5,500,000	
305	K194111596	Hà Thị Ngọc	Anh	K19411C	7.93	86	Khá	2,750,000	
306	K194111609	Trịnh Chấn	Khoa	K19411C	7.89	93	Khá	2,750,000	
307	K194111606	Trương Nhật	Hoàng	K19411C	7.8	83	Khá	2,750,000	
308	K194111626	Huỳnh Ngô Bích	Tâm	K19411C	7.74	80	Khá	2,750,000	
309	K194111637	Nguyễn Thị Như	Tuyết	K19411C	7.7	90	Khá	2,750,000	
310	K194111618	Uông Thảo	Nguyên	K19411C	7.63	85	Khá	2,750,000	
311	K194141732	Huỳnh Thị Kim	Lợi	K19414C	7.9	88	Khá	5,500,000	
312	K194141751	Lâm Nhựt	Thịnh	K19414C	7.88	86	Khá	5,500,000	
313	K194141741	Đỗ Thị Lan	Phương	K19414C	7.86	80	Khá	2,750,000	
314	K194141737	Bùi Nguyễn Thùy	Như	K19414C	7.84	91	Khá	2,750,000	
315	K194141742	Phan Tấn	Phước	K19414C	7.8	79	Khá	2,750,000	
316	K194141745	Nguyễn Đức Minh	Tấn	K19414C	7.64	100	Khá	2,750,000	
317	K194141735	Võ Phan Quỳnh	Nhi	K19414C	7.52	80	Khá	2,750,000	
318	K194141746	Huỳnh Thị Hà	Thanh	K19414C	7.5	91	Khá	2,750,000	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐTB HK	ĐRL	XL HB	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
319	K195011921	Lâm Thúy Bảo	Nhi	K19501C	8.78	93	Giỏi	11,000,000	
320	K195011923	Hoàng Thị Yến	Nhung	K19501C	8.72	93	Giỏi	5,500,000	
321	K195011907	Vũ Thị Ngọc	Bích	K19501C	8.67	85	Giỏi	5,500,000	
322	K195011939	Bùi Ngọc Cẩm	Tú	K19501C	8.55	88	Giỏi	2,750,000	
323	K195011927	Lê Thị Như	Quỳnh	K19501C	8.43	85	Giỏi	2,750,000	
324	K195011916	Phạm Duy	Khánh	K19501C	8.29	85	Giỏi	2,750,000	
325	K195011917	Phạm Trung	Kiên	K19501C	8.26	90	Giỏi	2,750,000	
326	K195011925	Chung Huệ	Quyên	K19501C	8.26	85	Giỏi	2,750,000	
327	K195022051	Lê Ngọc Kim	Ngân	K195021C	9.03	90	Xuất sắc	11,000,000	
328	K195022035	Nguyễn Thị	Hồng	K195021C	8.76	90	Giỏi	5,500,000	
329	K195022027	Phạm Thị Ngọc	Diễm	K195021C	8.72	100	Giỏi	5,500,000	
330	K195022026	Nguyễn Đan	Chi	K195021C	8.7	85	Giỏi	2,750,000	
331	K195022057	Nguyễn Thị Hoài	Phúc	K195021C	8.69	87	Giỏi	2,750,000	
332	K195022058	Võ Giản Quế	Phương	K195021C	8.67	85	Giỏi	2,750,000	
333	K195022046	Nguyễn Hoài	Linh	K195021C	8.5	82	Giỏi	2,750,000	
334	K195022072	Dương Minh	Trúc	K195022C	9.39	91	Xuất sắc	11,000,000	
335	K195022066	Trần Thanh	Trà	K195022C	9.14	93	Xuất sắc	5,500,000	
336	K195022088	Lê Quỳnh	Mai	K195022C	9.0	93	Xuất sắc	5,500,000	
337	K195022090	Bùi Trần Kim	Ngọc	K195022C	8.93	85	Giỏi	2,750,000	
338	K195022075	Nguyễn Hoàng Tường	Vy	K195022C	8.72	95	Giỏi	2,750,000	
339	K195022084	Đặng Quang	Huy	K195022C	8.72	95	Giỏi	2,750,000	
340	K195022081	Phan Thu	Hà	K195022C	8.57	85	Giỏi	2,750,000	
341	K195032204	Nguyễn Phương	Tường	K19503C	7.92	85	Khá	5,500,000	
342	K195032200	Nguyễn Thanh	Toàn	K19503C	7.72	85	Khá	5,500,000	
343	K195032180	Nguyễn Hoàng Bảo	Khương	K19503C	7.69	95	Khá	2,750,000	
344	K195032171	Nguyễn Khánh	Duy	K19503C	7.61	91	Khá	2,750,000	
345	K195032206	Nguyễn Thị Xuân	Yến	K19503C	7.59	85	Khá	2,750,000	
346	K195032175	Phạm Thị Thu	Hà	K19503C	7.54	85	Khá	2,750,000	
347	K195032202	Lê Cẩm	Tú	K19503C	7.35	85	Khá	2,750,000	
348	K195032170	Lê Nguyễn Thái	Cơ	K19503C	7.28	80	Khá	2,750,000	
349	K195042299	Trương Ngọc Tú	Quyên	K19504C	7.81	95	Khá	5,500,000	
350	K195042300	Lê Thị Huyền	Thoa	K19504C	7.64	88	Khá	5,500,000	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐTB HK	ĐRL	XL HB	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
351	K195042280	Cao Anh	Đức	K19504C	7.44	77	Khá	2,750,000	
352	K195042311	Phạm Ngọc Thảo	Vy	K19504C	7.35	88	Khá	2,750,000	
353	K195042289	Võ Thư	Kỳ	K19504C	7.23	95	Khá	2,750,000	
354	K195042279	Mai Quế	Anh	K19504C	7.22	93	Khá	2,750,000	
355	K174111303	Võ Thanh	Hương	K17411C	8.72	93	Giỏi	14,000,000	
356	K174111323	Nguyễn Quốc	Triệu	K17411C	8.69	81	Giỏi	7,000,000	
357	K174111311	Nguyễn Anh	Nhật	K17411C	8.5	100	Giỏi	7,000,000	
358	K174111293	Võ Nguyễn Tâm	An	K17411C	8.34	93	Giỏi	3,500,000	
359	K174111306	Nguyễn Thị Mỹ	Nga	K17411C	8.31	85	Giỏi	3,500,000	
360	K174111324	Lê Thị Thanh	Trúc	K17411C	8.25	98	Giỏi	3,500,000	
361	K174060659	Nguyễn Thùy Ý	Nhi	K17411C	8.25	93	Giỏi	3,500,000	

Tổng cộng 361 SV

1,817,750,000

Bằng chữ: Một tỷ tám trăm mười bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn

TP.HCM, ngày 15 tháng 12 năm 2020

NGƯỜI LẬP BẢNG

TRƯỜNG P.CTSV

TRƯỜNG P. KH - TC



Nguyễn Ngọc Phương Thảo

Võ Văn Trọng

Lưu Văn Lợi

★ Nguyễn Tiến Dũng

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2019 - 2020 (LỚP CHẤT LƯỢNG CAO BẰNG TIẾNG ANH)**

Theo Quyết định số: 184/QĐ-ĐHKTL ngày 15 tháng 12 năm 2020

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐTB HK	ĐRL	XL HB	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	K174040493	Huỳnh Công	Trương	K17404CA	9.67	90	Xuất sắc	19,500,000	
2	K174040491	Phan Nguyễn Thủy	Trang	K17404CA	8.81	93	Giỏi	9,750,000	
3	K174080992	Lê Thị Thảo	Linh	K17408CA	9.0	90	Xuất sắc	19,500,000	
4	K174080999	Huỳnh Yến	Nhi	K17408CA	8.8	93	Giỏi	9,750,000	
5	K174080994	Hoàng Diệu	Ngân	K17408CA	8.7	93	Giỏi	9,750,000	
6	K174081001	Trần Như	Quỳnh	K17408CA	8.7	85	Giỏi	4,875,000	
7	K174080980	Trần Thị Ngọc	Dung	K17408CA	8.6	90	Giỏi	4,875,000	
8	K174080978	Võ Trịnh Trân	Châu	K17408CA	8.6	85	Giỏi	4,875,000	
9	K174080976	Trần Mai	Anh	K17408CA	8.5	96	Giỏi	4,875,000	Điểm HTTL 8.53
10	K184040529	Trần Thị Phương	Nga	K18404CA	8.75	85	Giỏi	19,500,000	
11	K184040534	Nguyễn Hồng Yến	Nhi	K18404CA	8.22	96	Giỏi	9,750,000	
12	K184040538	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	K18404CA	8.0	95	Giỏi	9,750,000	
13	K184040519	Nguyễn Hải Tiểu	Hồng	K18404CA	8.0	91	Giỏi	4,875,000	
14	K184040541	Trần Đặng Thanh	Trúc	K18404CA	8.0	85	Giỏi	4,875,000	
15	K184050703	Võ Châu	Yên	K18405CA	8.79	98	Giỏi	19,500,000	
16	K184050669	Nguyễn Gia	Hân	K18405CA	8.44	93	Giỏi	9,750,000	
17	K184050686	Võ Phan Thanh	Nhã	K18405CA	8.17	85	Giỏi	9,750,000	
18	K184050700	Võ Minh	Trường	K18405CA	8.06	93	Giỏi	4,875,000	
19	K184050693	Lê Minh	Tài	K18405CA	8.06	85	Giỏi	4,875,000	
20	K184050678	Võ Thùy	Linh	K18405CA	7.9	90	Khá	4,875,000	
21	K184050674	Trần Lan	Khánh	K18405CA	7.89	85	Khá	4,875,000	
22	K184070975	Nguyễn Ngọc	Trần	K18407CA	9.33	93	Xuất sắc	19,500,000	
23	K184070970	Nguyễn Thu	Thủy	K18407CA	9.22	90	Xuất sắc	9,750,000	
24	K184070949	Trần Tú	Anh	K18407CA	9.14	98	Xuất sắc	9,750,000	
25	K184070950	Trương Nhật	Anh	K18407CA	9.33	85	Giỏi	4,875,000	
26	K184070977	Trương Ngọc Như	Uyên	K18407CA	8.78	96	Giỏi	4,875,000	
27	K184070965	Nguyễn Thị Yến	Nhi	K18407CA	8.67	90	Giỏi	4,875,000	
28	K184081124	Mai Trần Thanh	Thanh	K18408CA	9.08	98	Xuất sắc	19,500,000	
29	K184081112	Trần Hoài	Linh	K18408CA	8.97	91	Giỏi	9,750,000	
30	K184081102	Trần Như	Hào	K18408CA	8.89	98	Giỏi	9,750,000	
31	K184081095	Lê Minh	Anh	K18408CA	8.74	93	Giỏi	4,875,000	



STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐTB HK	ĐRL	XL HB	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
32	K184081096	Nguyễn Mỹ	Anh	K18408CA	8.66	98	Giỏi	4,875,000	
33	K184081046	Nguyễn Văn	Trưởng	K18408CA	8.5	100	Giỏi	4,875,000	
34	K184081103	Lê Quang	Huy	K18408CA	8.47	93	Giỏi	4,875,000	Điểm HTTL 8.62
35	K194040584	Đặng Huyền	Linh	K19404CA	8.59	86	Giỏi	19,500,000	
36	K194040587	Nguyễn Thị Trà	My	K19404CA	8.32	85	Giỏi	9,750,000	
37	K194040602	Nguyễn Ngọc Cẩm	Tiên	K19404CA	8.24	72	Khá	9,750,000	
38	K194040589	Cao Hoàng	Nam	K19404CA	7.85	92	Khá	4,875,000	
39	K194040580	Lê Nhật	Huy	K19404CA	7.79	100	Khá	4,875,000	
40	K194040585	Nguyễn Thành	Long	K19404CA	7.79	81	Khá	4,875,000	
41	K194040608	Nguyễn Huỳnh Phương	Vy	K19404CA	7.76	86	Khá	4,875,000	
42	K194050754	Lê Kim	Minh	K19405CA	8.24	96	Giỏi	19,500,000	
43	K194050743	Đỗ Thùy	Dương	K19405CA	8.0	80	Giỏi	9,750,000	
44	K194050762	Phan Huệ	Nhi	K19405CA	7.94	90	Khá	9,750,000	
45	K194050744	Nguyễn Lê Cẩm	Hà	K19405CA	7.82	85	Khá	4,875,000	
46	K194050753	Nguyễn Thị Kim	Loan	K19405CA	7.6	85	Khá	4,875,000	
47	K194050761	Nguyễn Ngọc Phương	Nhi	K19405CA	7.58	95	Khá	4,875,000	
48	K194050746	Đào Văn	Hiếu	K19405CA	7.5	88	Khá	4,875,000	
49	K194071036	Nguyễn Thị Kim	Thoa	K19407CA	8.83	85	Giỏi	19,500,000	
50	K194071025	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	K19407CA	8.79	93	Giỏi	9,750,000	
51	K194071006	Trịnh Lan	Anh	K19407CA	8.58	91	Giỏi	9,750,000	
52	K194071005	Nguyễn Thị Lan	Anh	K19407CA	8.25	85	Giỏi	4,875,000	
53	K194151803	Huỳnh Lê Thủy	Tiên	K19407CA	8.24	95	Giỏi	4,875,000	
54	K194071038	Nguyễn Ngọc Bảo	Trần	K19407CA	8.24	86	Giỏi	4,875,000	
55	K194071004	Nguyễn Phương	Anh	K19407CA	8.18	88	Giỏi	4,875,000	
56	K194081243	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Trâm	K19408CA	8.83	90	Giỏi	19,500,000	
57	K194081222	Trần Thị Thanh	Ngân	K19408CA	8.68	93	Giỏi	9,750,000	
58	K194081221	Mạnh Tú	Khang	K19408CA	8.63	80	Giỏi	9,750,000	
59	K194081228	Nguyễn Quỳnh	Như	K19408CA	8.6	92	Giỏi	4,875,000	
60	K194081219	Hà Thế	Hoàng	K19408CA	8.53	82	Giỏi	4,875,000	
61	K194081226	Cao Mẫn	Nhi	K19408CA	8.5	91	Giỏi	4,875,000	
62	K194081214	Vũ Nguyễn Mạnh	Cường	K19408CA	8.48	88	Giỏi	4,875,000	
63	K174050625	Nguyễn Thanh	Trúc	K17405CA	9.17	93	Xuất sắc	19,500,000	Đạt môn Kế toán quản trị I (CFAB)
64	K174050616	Nguyễn Thanh	Nhã	K17405CA	8.7	90	Giỏi	9,750,000	Đạt môn Kế toán quản trị I (CFAB)

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐTB HK	ĐRL	XL HB	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
65	K175031683	Nguyễn Anh	Thy	K17405CA	8.57	90	Giỏi	9,750,000	Đạt môn Kế toán quản trị 1 (CFAB)
66	K174050615	Trần Nguyên	Ngọc	K17405CA	8.33	90	Giỏi	4,875,000	Đạt môn Kế toán quản trị 1 (CFAB)
67	K174050608	Phạm Anh	Khoa	K17405CA	8.17	90	Giỏi	4,875,000	Đạt môn Kế toán quản trị 1 (CFAB)

Tổng cộng 67 SV

589,875,000

Bằng chữ: Năm trăm tám mươi chín triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn

TP.HCM, ngày 15 tháng 12 năm 2020

NGƯỜI LẬP BẢNG

TRƯỞNG P.CTSV

2. TRƯỞNG P.KH - TC

**IM HỌI ĐỒNG XÉT DUYỆT
HIỆU TRƯỞNG**


Nguyễn Ngọc Phương Thảo


Võ Văn Trọng


Lưu Văn Lập




Nguyễn Tiến Dũng



**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2019 - 2020 (LỚP CHẤT LƯỢNG CAO TĂNG CƯỜNG TIẾNG PHÁP)**

Theo Quyết định số: 184/QĐ-ĐHKTL ngày 15 tháng 12 năm 2020

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐTB HK	ĐRL	XL HB	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	K195042317	Lê Trung	Hiếu	K19504CP	7.72	96	Khá	5,500,000	
2	K195042316	Nguyễn Thị Kim	Hằng	K19504CP	7.28	93	Khá	2,750,000	

Tổng cộng 02 SV

8,250,000

Bảng chữ: Tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn

TP.HCM, ngày 15 tháng 12 năm 2020

NGƯỜI LẬP BẢNG

TRƯỜNG P.CTSV 1 TRƯỜNG P. KH - TC

TM. HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT
HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Phương Thảo

Võ Văn Trọng

Lưu Văn Lợi



Nguyễn Tiến Dũng

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2019 - 2020 (LỚP CỬ NHÂN TÀI NĂNG GIAI ĐOẠN 2018-2022)**

Theo Quyết định số: M54/QĐ-ĐHKTL ngày 15 tháng 12 năm 2020

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐTB HK	ĐRL	XL HB	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	K174010039	Đinh Thị Yến Nhi	K17401T	8.67	85	Giỏi	2,500,000	
2	K174020150	Hoàng Văn Tinh	K17402T	8.72	97	Giỏi	2,500,000	
3	K174030299	Trần Đức Trung	K17403T	8.94	100	Giỏi	2,500,000	
4	K174040329	Huỳnh Trần Bảo Hân	K17404T	8.88	93	Giỏi	2,500,000	
5	K174080858	Hoàng Phan Hoài An	K17408T	8.95	95	Giỏi	2,500,000	
6	K174091061	Trần Anh Tài	K17409T	9	93	Xuất sắc	3,000,000	
7	K174111311	Nguyễn Anh Nhật	K17411T	8.5	100	Giỏi	2,500,000	
8	K175011397	Đặng Thị Trang	K17501T	9.05	100	Xuất sắc	3,000,000	
9	K175021455	Dư Ngọc Diệp	K17502T	8.33	98	Giỏi	2,500,000	
10	K175031616	Huỳnh Phương Ngoan	K17503T	8.88	100	Giỏi	2,500,000	
11	K175041711	Đặng Thị Thảo Huyền	K17504T	8.8	90	Giỏi	2,500,000	
12	K184010022	Nguyễn Việt Khang	K18401T	8.47	92	Giỏi	2,500,000	
13	K184020183	Phạm Thị Phương Trang	K18402T	9.22	98	Xuất sắc	3,000,000	
14	K184070820	Nguyễn Cao Kỳ Duyên	K18407T	8.67	91	Giỏi	2,500,000	
15	K184081077	Huỳnh Trần Yến Nhi	K18408T	8.73	96	Giỏi	2,500,000	
16	K184091228	Phạm Nhật Quyên	K18409T	9.53	98	Xuất sắc	3,000,000	
17	K184101293	Ngô Thị Thiên Thảo	K18410T	8.71	96	Giỏi	2,500,000	
18	K184111417	Phạm Thị Ngọc Thảo	K18411T	8.94	100	Giỏi	2,500,000	
19	K184131485	Mai Thị Khánh Hồng	K18413T	8.63	90	Giỏi	2,500,000	
20	K185021643	Lê Thị Hồng Đào	K18502T	8.25	100	Giỏi	2,500,000	

Tổng cộng 20 SV

52,000,000

Bằng chữ: Năm mươi hai triệu đồng chẵn

TP.HCM, ngày 15 tháng 12 năm 2020

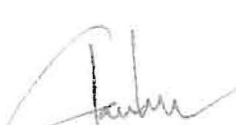
NGƯỜI LẬP BẢNG

TRƯỜNG P.CTSV

2. TRƯỜNG P.KH - TC

TM HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT
HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Ngọc Phương Thảo


Võ Văn Trọng


Lưu Văn Lợi



Nguyễn Tiến Dũng